

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ

TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 145/2023/HS-ST

Ngày: 27-6- 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TPNĐ, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quỳ - Cán bộ hưu trí

Ông Nguyễn Tiến Dũng - Giáo viên hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân TPNĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Như T, sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 691 đường Trường C, phường Hạ L, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân đã nghỉ chế độ; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như N và bà Lương Thị T; vợ: Nguyễn Thị Thu H; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02-11-2022 đến ngày 10-11-2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Vũ Đức T, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 17/15 đường Nguyễn Đức T, phường Thống N, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị N; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02-11-2022, đến ngày 11-11-2022 chuyển tạm giam; ngày 28-11-2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1960; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 24 đường 19/5, phường Trần Tế X, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như P (đã chết) và bà Phạm

Thị M; có vợ là Trần Thị Kiều T; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04-10-2022; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 10-4-2023; có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lê Ngọc S, sinh năm 1978; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 21/45 Gốc Mít, phường Vị X, TPND, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 30/27/111 đường Mạc Thị B, phường Quang T, TPND, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Đặng Thị Lan P; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10-4-2023; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại (trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 8/18 đường Thái B, phường Hạ L, TPND, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Bãi Vạn H, tổ 14, phường Lộc H, TPND, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần làm hồ sơ cho con gái đi du học nước ngoài nên ngày 05/9/2022, chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982, trú tại số 8/18 đường Thái B, phường Hạ L, TPND, tỉnh Nam Định đã mang “Bản cam kết về việc cam kết cho con đi du học Hàn Quốc”, “Đơn xin xác nhận thu nhập và công việc” mỗi loại 02 bản đến Ủy ban nhân dân phường Hạ L, TPND để xin xác nhận nhưng không chứng minh được thu nhập nên Ủy ban nhân dân phường không xác nhận.

Ngày 08/9/2022, Trần Như T là bạn của chồng chị V đến nhà chơi. Chị V nhờ T xin giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường hộ mình thì T đồng ý giúp nên chị V đã đưa hồ sơ và số tiền 500.000 đồng làm chi phí cho T. Do T không trực tiếp làm được nên đã nhờ người khác giúp nhưng không được. Khoảng 03 ngày sau, chị V nói với T đã quá hạn nộp hồ sơ, không xin xác nhận của Ủy ban nhân dân phường nữa nên T đã trả lại toàn bộ hồ sơ và tiền cho chị V.

Khoảng 15 giờ ngày 28/10/2022, chị V gọi điện thoại cho T để tiếp tục nhờ T xin xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Hạ L như lần trước. Lúc này T biết mình không thể xin được xác nhận của Ủy ban nhân dân phường nhưng khi chị V nhờ thì T nảy sinh ý định làm giả các loại tài liệu trên nên đã đồng ý. T bảo chị V chuẩn bị sẵn các giấy tờ cần thiết cùng số tiền 2.000.000 đồng để lo chi phí xin xác nhận, chiều T sẽ qua lấy. T giấu chị V việc mình sẽ làm giả các tài liệu mà chị V cần xin xác nhận. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T đến nhà chị V lấy tiền cùng 01 sổ hộ khẩu của gia đình chị V, 01 căn cước công dân đứng tên Nguyễn Thị V, 01 bản photo căn cước công dân của anh Trần Hữu H (chồng chị V) có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Hạ L, 02 bản cam kết về việc cho con đi

du học Hàn Quốc và 02 bản chứng thực thu nhập rồi mang luôn đến nhà của Vũ Đức T (bạn T làm nghề in lưới) để nhờ T in hình dấu của Ủy ban nhân dân phường Hạ L và hình dấu chức danh “KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH TRẦN THỊ THU H” vào 02 bản cam kết về việc cho con đi du học Hàn Quốc và 02 bản chứng thực thu nhập. T đồng ý, thỏa thuận tiền công sẽ thông báo sau. Quá trình nhờ T in hình dấu, T không nói cho T biết về mục đích dùng giấy tờ giả để chiếm đoạt tài sản của mình.

Do không tự làm được chế bản hình dấu để in lưới nên khoảng 12 giờ 00’ ngày 30/10/2022, T đến nhà bạn là Lê Ngọc S (làm nghề thiết kế đồ họa) nhờ S chế bản hình dấu trên giấy nền (giấy scan). T đưa cho S 01 bản photo căn cước công dân của anh H có chứng thực của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L làm mẫu, trên bản photo này có hình dấu tròn Quốc huy của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L, TPND và hình dấu chức danh “KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH TRẦN THỊ THU H” màu đỏ và chữ ký tên Trần Thị Thu H. T nhờ S chế một bản in chỉ lấy hình dấu tròn và hình dấu chức danh, không lấy hình chữ ký.

Chiều cùng ngày, S đưa bản photo căn cước công dân của anh H vào máy Scan, sau đó sử dụng phần mềm Corel Draw để tiến hành Scan hình dấu đỏ và chữ ký lên máy tính. Sau khi Scan xong thì S tiến hành lưu File đã Scan vào máy tính rồi sử dụng phần mềm Photoshop xử lý bức ảnh hình dấu, chữ ký vừa Scan được. S sử dụng các công cụ sẵn có trong phần mềm Photoshop để phóng to từng chi tiết của hình dấu lên, rồi thực hiện thao tác xóa hình chữ ký. Sau khi xóa xong hình chữ ký S tiếp tục chỉnh sửa thêm một số chi tiết trong hình dấu cho rõ ràng, rồi sử dụng máy in nhãn hiệu Canon để in 02 hình dấu Quốc huy của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L, TPND và hình dấu chức danh “KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH TRẦN THỊ THU H” lên 01 tờ giấy Scan với kích thước đúng bằng hình dấu có trên bản photo căn cước công dân của chị H có chứng thực của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L mà T đã đưa.

Khoảng 09h ngày 31/10/2022, T gọi điện cho S thì S thông báo đã làm xong chế bản nên T đã bảo con trai mình là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 11/01/2006 đến nhà S lấy hộ giấy tờ mà không nói cụ thể là gì. S đã đưa chế bản cho cháu K mang về và không lấy tiền công.

Chiều tối cùng ngày tại phòng làm việc trên tầng hai của gia đình, T đã xé tờ chế bản S đưa T hai phần rồi cắt đi một phần, phần còn lại tiến hành làm giả tài liệu theo như yêu cầu của T bằng cách: Sử dụng keo PPA để bôi lên bề mặt lưới in đã được đóng khung gỗ, dùng máy sấy tóc sấy cho khô phần keo, sau đó dán bản Scan mẫu dấu do S làm ra lên phần keo đã bôi rồi đặt trên bàn kính dưới có ánh sáng bóng đèn điện để in hình dấu lên lưới in rồi đè chặt, khoảng 05 phút sau thì mẫu dấu được in lên lưới. Sau khi kiểm tra mẫu dấu trên lưới in đã đạt yêu cầu, T đặt các tài liệu cần làm giả xuống lưới in rồi bôi mực đỏ lên mặt còn lại của lưới in

và dùng dao gọt mực để lần lượt in hình dấu lên các tài liệu cần làm giả. Bằng cách thức trên, T đã làm giả 04 (bốn) tài liệu gồm: 02 (hai) bản cam kết cho con đi du học Hàn Quốc đứng tên Nguyễn Thị V và Trần Hữu H bảo lãnh cho con là Trần Thị Vân A; 02 (hai) bản chứng thực thu nhập của Nguyễn Thị V và Trần Hữu H. Cả 04 (bốn) tài liệu giả trên đều có dấu tròn hình Quốc huy của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L, TPND, tỉnh Nam Định và hình dấu chức danh “KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH TRẦN THỊ THU H”. Sau khi hoàn thiện xong các tài liệu giả như trên, T sử dụng dầu hỏa để xóa đi các hình dấu đã in lên lưới. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, T đến nhà T để lấy các tài liệu này và trả cho T 500.000 đồng tiền công.

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên sáng ngày 01/11/2022, T mang theo tài liệu trên đến cửa hàng bán vật tư ngành nước tại địa chỉ 27 đường Hùng Vương, phường Vị H, TPND, tỉnh Nam Định gặp chủ cửa hàng là Nguyễn Ngọc L nhờ ký giúp vào mục xác nhận của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L đứng tên chức danh Phó Chủ tịch ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L Trần Thị Thu H. T đã để sẵn 04 tờ giấy trên bàn, mỗi tờ đều đã có in sẵn nội dung bên trên, bên dưới phần nội dung có phần xác nhận là hình dấu đỏ của ỦY BAN NHÂN DÂN phường và dấu chức danh KT. CHỦ TỊCH- PHÓ CHỦ TỊCH màu đỏ. T nhờ Linh ký chữ ký Thu Hiền cho T, Linh đồng ý và ký lên 04 tờ giấy mà T đã để sẵn.

Khoảng 10 giờ 15’ cùng ngày, T mang tài liệu đã được làm giả đến nhà giao cho chị V. Đến khoảng 11 giờ 00’, chị V kiểm tra lại thì phát hiện nội dung trên 02 “Bản cam kết về việc cam kết cho con đi du học Hàn Quốc” và 02 bản “Đơn xin xác nhận thu nhập và công việc (nội dung: Bảo lãnh cho con đi du học Hàn Quốc)” đều bị sai thông tin phần: “Kính gửi: - UBND phường Hạ L, TPND, tỉnh Hải Dương” nên định xé mỗi loại tài liệu 01 bản, giữ lại 01 bản để lên ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L xin xác nhận lại nhưng chị V xé nhầm 02 bản “Đơn xin xác nhận thu nhập và công việc (nội dung: Bảo lãnh cho con đi du học Hàn Quốc)”. Đến 14 giờ 00’ cùng ngày, chị V mang 02 “Bản cam kết về việc cam kết cho con đi du học Hàn Quốc” (Ký hiệu A1, A2) còn lại đến ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L, TPND làm căn cứ để xin xác nhận lại. Quá trình tiếp nhận hồ sơ, ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L phát hiện 02 tài liệu trên có dấu hiệu bị làm giả nên đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TPND.

Cơ quan điều tra giữ người trong trường hợp khẩn cấp Trần Như T, Vũ Đức T và triệu tập Lê Ngọc S, Nguyễn Ngọc L để tiến hành điều tra.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Như T, Vũ Đức T, Lê Ngọc S, Nguyễn Ngọc L thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm như trên.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Đức T, thu 02 mảnh giấy Scan (T đã xé ra từ tờ giấy Scan do S làm – ký hiệu A3, A4) và 01 hộp dầu hỏa; 01 hộp mực đỏ; 01 que lấy mực; 04 dao gọt bằng gỗ lưỡi cao su; 07 lưới

in được đóng vào khung gỗ kích thước 40cm x 55cm; 01 bàn in lưới kích thước 60cm x 50cm x 60cm, mặt bàn bằng kính, 01 bên có gắn **van** cố định khung lưới; 01 bàn có khung bằng gỗ, mặt bàn bằng kính kích thước 130cm x 65cm x 60cm bên trong ngăn bàn có chứa 05 bóng tuýp màu trắng dài 1,2m; 01 chai nhựa màu trắng bên trong có chứa dung dịch keo PPA; 01 lọ nhựa màu đen bên trong có chứa bột bắt sáng; 01 miếng kim loại hình chữ nhật kích thước 12cm x 10cm; 01 máy sấy nhãn hiệu CHAOBA, màu đen, 10 tờ giấy nền màu trắng đục. Ngoài ra, Vũ Đức T tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 cùng các sim số đi kèm. Lê Ngọc S giao nộp: 01 bộ máy tính, 01 máy in và máy Scan cùng nhãn hiệu Canon. Trần Như T tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia cùng sim số theo máy và số tiền 1.500.000 đồng để trả lại cho chị V.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với 02 bản cam kết về việc cam kết cho con đi du học Hàn Quốc thu giữ được. Ngày 21/11/2022, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nam Định đã có kết luận giám định số: 1610/KL-KTHS kết luận:

- Hình dấu “★U.B.N.D P UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẠ L .P NH T. NAM ĐỊNH” và hình dấu chức danh: “KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH TRẦN THỊ THU H” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) không phải là hình dấu đóng trực tiếp. Được tạo ra bằng phương pháp in lưới.

- Hình dấu tròn “★U.B.N.D P UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẠ L .P NH T. NAM ĐỊNH” và hình dấu chức danh: “KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH TRẦN THỊ THU H” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với hình dấu màu đen tương ứng trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) có kích thước, cùng bố cục, cùng nội dung.

- Chữ ký đứng tên Phó chủ tịch Trần Thị Thu H trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc L trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký, viết ra.

Đối với Vũ Minh Khôi: Quá trình điều tra xác định Vũ Minh Khôi là con trai của Vũ Đức T, ngày 31-10-2022 K được Vũ Đức T nhờ đến nhà Lê Ngọc S để lấy giúp cho T tài liệu thì T không nói cho K biết đó là tài liệu gì. Vì là con của T nên khi được bố mình nhờ nên Khôi đã đến nhà S lấy tài liệu cho T và không biết được hành vi của T. Vì vậy hành vi của Khôi không cấu T tội phạm. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

Đối với Nguyễn Thị V: Quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Thị V chỉ nhờ T đi xin xác nhận của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L vào các tài liệu, không yêu cầu T đi làm giả các tài liệu. Việc Trần Như T làm giả các tài liệu là do T thực hiện và chị V không biết. Vì vậy hành vi của chị V không cấu T tội phạm. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

Bản cáo trạng số 144/CT-VKSND-TPND ngày 29-5-2023 Viện kiểm sát nhân dân TPND truy tố Trần Như T tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố Vũ Đức T và Nguyễn Ngọc L tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Ngọc S tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã T khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình và khai do sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên các bị cáo có hành vi phạm tội. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xử các bị cáo mức án thấp nhất tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Như T, Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L, Lê Ngọc S về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Như T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Ngọc S tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính đối với các bị cáo, đề nghị như sau:

- Đối với bị cáo Trần Như T:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Như T từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Như T từ 25 tháng tù đến 30 tháng tù đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Trần Như T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 28 tháng tù đến 30 tháng tù.

- Đối với bị cáo Vũ Đức T:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Đức T từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Giao bị cáo Vũ Đức T cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc L:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc L cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Đối với bị cáo Lê Ngọc S:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Ngọc S từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Giao bị cáo Lê Ngọc S cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị V 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp dầu hỏa, 01 hộp mực đỏ, 01 que lấy mực, 04 dao gọt bằng gỗ, 07 lưới in, 01 bản in lưới, 01 bản có khung gỗ, 01 chai nhựa màu trắng, 01 lọ nhựa màu đen, 01 miếng kim loại, 01 máy sấy, 10 tờ giấy nền màu trắng, 03 sim điện thoại.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 màn hình máy tính LG, 01 bàn phím, 01 con chuột máy tính, 01 cây máy tính nhãn hiệu SAMD, 01 máy scan hiệu CANON, 01 máy in nhãn hiệu CANON.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Đức T 02 điện thoại di động; trả lại cho bị cáo Trần Như T 01 điện thoại di động nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TPND, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Ngày 28/10/2022, tại TPND mặc dù không thể xin xác nhận của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L được nhưng Trần Như T vẫn nhận của chị Nguyễn Thị V 2.000.000 đồng rồi đi thuê Vũ Đức T làm giả 04 tài liệu cho chị V với giá 500.000 đồng. Sau khi nhận các tài liệu cần làm giả của T thì T đã nhờ Lê Ngọc S làm giúp mình chế bản hình dấu của ỦY BAN NHÂN DÂN phường và hình dấu chức danh, tên của đồng chí Phó Chủ tịch phường sau đó T in lên 04 tài liệu cần làm giả rồi đưa lại cho T. T tiếp tục nhờ Nguyễn Ngọc L ký giả chữ ký của Phó Chủ tịch ỦY BAN NHÂN DÂN phường rồi đưa lại cho chị V.

Hành vi của bị cáo Trần Như T còn được chứng minh bằng lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người làm chứng; lời khai của các bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, cùng các tài liệu khác được thu thập trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Ngày 28-10-2022 mặc dù Trần Như T không thể xin dấu xác nhận của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L, TPND vào các tài liệu do chị Nguyễn Thị V nhưng T đã nói dối chị V là mình xin xác nhận được và lấy của chị V 2.000.000 đồng sau đó T đã nhờ Vũ Đức T làm giả 04 tài liệu với giá 500.000 đồng. Sau đó Vũ Đức T đã nhờ Lê Ngọc S làm giúp mình chế bản hình dấu của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L và hình dấu chức danh của đồng chí Phó Chủ tịch ỦY BAN NHÂN DÂN phường sau đó T in lên 04 tài liệu cần làm giả rồi đưa lại cho T. T tiếp tục nhờ Nguyễn Ngọc L ký giả chữ ký của Phó Chủ tịch ỦY BAN NHÂN DÂN phường rồi đưa lại cho chị Nguyễn Thị V.

Hành vi của bị cáo Trần Như T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Vũ Đức T và Nguyễn Ngọc L phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Lê Ngọc S phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng:

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Hành vi của bị cáo Trần Như T không cấu T tình tiết định khung tăng nặng.

Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”:

Hành vi của bị cáo Trần Như T, Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L cấu T tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Lê Ngọc S không cấu T tình tiết định khung tăng nặng.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

4.1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tất cả các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Như T có thái độ T khẩn khai nhận, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền do phạm tội mà có để trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; mẹ bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo; vì vậy bị cáo Trần Như T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo có thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình vì vậy tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Như T: Mẹ bị cáo là người có công với đất nước; bị cáo hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Đức T: Mẹ bị cáo là người có công với đất nước vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L: Vợ bị cáo và anh trai bị cáo là người có công với đất nước, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Ngọc S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về hình phạt:

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính. Về hình phạt: Cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn T phổ.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”:

Bị cáo Trần Như T là người có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị V 2.000.000 đồng sau đó bị cáo là người chủ động nhờ bị cáo Vũ Đức T làm giả 04 tài liệu với giá 500.000 đồng. Bị cáo Vũ Đức T đã nhờ bị cáo Lê Ngọc S làm giúp mình chế bản hình dấu của ỦY BAN NHÂN DÂN phường Hạ L và hình dấu chức danh của đồng chí Phó Chủ tịch ỦY BAN NHÂN DÂN phường sau đó T in lên 04 tài liệu cần làm giả rồi đưa lại cho T. T tiếp tục nhờ Nguyễn Ngọc L ký giả chữ ký của Phó Chủ tịch ỦY BAN NHÂN DÂN phường rồi đưa lại cho chị Nguyễn Thị V. Vì thế xếp bị cáo Trần Như T ở vai trò đầu trong vụ án và ấn định mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo trong vụ án.

Bị cáo T bị đưa ra xét xử cùng 1 lần về hai tội, vì vậy áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, vì vậy áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”: Bị cáo xếp vai trò đầu trong vụ án nên ấn định mức hình phạt tù có thời hạn trong khung đã truy tố với mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Cùng 1 lần bị cáo bị xét xử hai tội, vì vậy áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều tội đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L, Lê Ngọc S, mỗi người thực hiện 1 công đoạn trong việc làm giả con dấu, tài liệu cho bị cáo Trần Như T. Vì vậy xếp các bị cáo vai trò như nhau và sau bị cáo Trần Như T. Về hình phạt cần ấn định cho các bị cáo mức án thấp hơn so với bị cáo Trần Như T. Bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L bị truy tố tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định ở điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Lê Ngọc S bị truy tố tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định ở khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự nên ấn định mức hình phạt đối với bị cáo Vũ Đức T và Nguyễn Ngọc L cao hơn so với bị cáo Lê Ngọc S.

Xét các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo; vì vậy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để các bị cáo cải tạo trở T công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Lê Ngọc S có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, vì vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để bị cáo cải tạo trở T công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4.4. Về hình phạt bổ sung:

Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Vật chứng trong vụ án được thể hiện ở biên bản giao, nhận vật chứng gồm:

- Số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là tiền bị cáo Trần Như T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị V, bị cáo T và bị cáo T đã nộp lại để trả cho chị V. Xét số tiền này thuộc sở hữu của chị V nên trả lại cho chị V.

- 01 màn hình máy tính LG, 01 bàn phím, 01 con chuột máy tính, 01 cây máy tính nhãn hiệu SAM~~A~~, 01 máy scan hiệu CANON, 01 máy in nhãn hiệu CANON là công cụ bị cáo Lê Ngọc S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 lọ dầu hỏa, 01 hộp mực đỏ, 01 que lấy mực, 04 dao gặt bằng gỗ, 07 lưới in, 01 bản in lưới, 01 ~~bàn~~ có khung gỗ, 01 chai nhựa màu trắng, 01 lọ nhựa màu đen, 01 miếng kim loại, 10 tờ giấy nền màu trắng, thoại là công cụ bị cáo Vũ Đức T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; 01 máy sấy, 03 sim điện không có giá trị sử dụng nên tất cả tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Trần Như T, 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Vũ Đức T là tài sản riêng của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về vấn đề dân sự:

Trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị hại là chị Nguyễn Thị V không đề nghị giải quyết. Số tiền bị cáo Trần Như T chiếm đoạt của chị V đã được thu hồi, vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết.

[6] *Án phí Hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo Trần Như T, Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L, Lê Ngọc S bị kết án nên các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Như T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”:

Bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L, Lê Ngọc S phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Như T 03 (ba) tháng tù tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Như T 25 (hai mươi lăm) tháng tù tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Trần Như T phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. (thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-11-2022 đến ngày 11-11-2022 được trừ vào thời gian chấp hành án).

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 02-11-2022 đến ngày 11-02-2022), thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Đức T cho Ủy ban nhân dân phường Thống N, TPNĐ, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc L cho Ủy ban nhân dân phường Trần Tế X, TPNĐ, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc S 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Ngọc S cho Ủy ban nhân dân phường Quang T, TPND, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

6. Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị V 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).
- Tịch thu tiêu hủy 01 lọ dầu hỏa, 01 hộp mực đỏ, 01 que lấy mực, 04 dao gọt bằng gỗ, 07 lưới in, 01 bản in lưới, 01 bàn có khung gỗ, 01 chai nhựa màu trắng, 01 lọ nhựa màu đen, 01 miếng kim loại, 01 máy sấy, 10 tờ giấy nền màu trắng, 03 sim điện thoại.
- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 màn hình máy tính LG, 01 bàn phím, 01 con chuột máy tính, 01 cây máy tính nhãn hiệu SAM A, 01 máy scan hiệu CANON, 01 máy in nhãn hiệu CANON.
- Trả lại cho bị cáo Trần Như T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; trả lại cho bị cáo Vũ Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6. (Tài sản trả lại cho bị cáo Trần Như T và bị cáo Vũ Đức T tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm).

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-6-2023 giữa Công an TPND và Chi cục thi hành án Dân sự TPND)

7. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Trần Như T, Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L, Lê Ngọc S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo Trần Như T, Vũ Đức T, Nguyễn Ngọc L, Lê Ngọc S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự: Các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại
- UBND phường Thống N, TPND;
- UBND Trần Tế X, TPND;
- UBND phường Quang T, TPND;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPND;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPND;
- Công an TPND;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

Phạm Thị Mai Anh

